


Màn hình Dell S2721Q/S2721QS

Hướng Dẫn Người Dùng

Dòng máy: S2721Q/S2721QS
Dòng máy theo quy định: S2721Qb



 **CHÚ Ý:** Thông tin **CHÚ Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn tận dụng tốt hơn máy tính của bạn.

 **THẬN TRỌNG:** Thông tin **THẬN TRỌNG** chỉ báo khả năng hư hại đến phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo các hướng dẫn.

 **CẢNH BÁO:** Thông tin **CẢNH BÁO** chỉ báo tiềm ẩn bị hư hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

Bản quyền © 2020 Dell Inc. hoặc các công ty con của nó. Mọi quyền được bảo lưu. Dell, EMC, và các thương hiệu khác là thương hiệu của Dell Inc. hoặc các công ty con của Dell. Tất cả các thương hiệu khác có thể là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.

2020 - 12

Rev. A01

Nội dung

Hướng dẫn về an toàn	6
Thông tin về màn hình của bạn	7
Thành phần trong hộp	7
Tính năng sản phẩm	9
Nhận biết các bộ phận và điều khiển	10
Nhìn từ phía trước	10
Nhìn từ sau	11
Nhìn từ dưới	13
Thông số độ phân giải	17
Chế độ video được hỗ trợ	17
Chế độ hiển thị cài sẵn	17
Thông số điện	19
Đặc điểm vật lý	20
Đặc Tính Môi Trường	21
Chỉ định chân	22
Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD	24
Công thái học	24
Xử lý và di chuyển màn hình của bạn	25
Hướng Dẫn Bảo Trì	27
Vệ Sinh Màn Hình	27
Lắp đặt màn hình	28
Lắp chân đế - S2721Q	28
Lắp chân đế - S2721QS	31
Kết nối màn hình của bạn	34
Kết nối cáp HDMI và cáp nguồn	34



Kết nối cáp DisplayPort (DP sang DP) (không bắt buộc) và cáp nguồn	35
Quản lý cáp của bạn	35
Bật màn hình	36
Bảo vệ màn hình bằng khóa Kensington (không bắt buộc)	37
Tháo chân đế màn hình - S2721Q	38
Tháo chân đế màn hình - S2721QS	39
VESA treo tường (không bắt buộc)	40
Sử dụng màn hình	41
Bật nguồn màn hình	41
Sử dụng điều khiển trên bảng điều khiển trước	41
Nút bảng điều khiển phía trước.	42
Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)	43
Truy cập hệ thống menu	43
Thông báo cảnh báo OSD	59
Cài đặt độ phân giải tối đa	62
Yêu cầu để xem hoặc phát lại nội dung HDR	63
Sử dụng nghiêng, xoay và kéo thẳng	64
Nghiêng	64
Xoay (chỉ với S2721QS)	64
Kéo thẳng (chỉ với S2721QS)	65
Xoay màn hình (chỉ với S2721QS)	65
Xoay theo chiều kim đồng hồ	66
Xoay ngược chiều kim đồng hồ	66
Điều chỉnh cài đặt hiển thị xoay cho hệ thống của bạn.	67
Khắc phục sự cố	68
Tự kiểm tra	68
Chẩn đoán tích hợp	69



Vấn đề thường gặp	70
Vấn đề cụ thể theo sản phẩm	73
Vấn Đề Cụ Thể Theo Loa Ngoài	74
Phụ lục	75
Thông báo FCC (Chi Hoa Kỳ) và thông tin quy định khác	75
Liên hệ với Dell	75
Cơ sở dữ liệu bảng thông tin sản phẩm và nhãn năng lượng của sản phẩm EU	75



Hướng dẫn về an toàn


- △ **THẬN TRỌNG:** Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.
- Đặt màn hình trên bề mặt chắc chắn và thao tác cẩn thận. Màn hình dễ vỡ và có thể bị hỏng nếu bị rơi hoặc va đập mạnh.
 - Luôn đảm bảo kết nối điện đúng định mức khi sử dụng với nguồn AC có ở địa điểm của bạn.
 - Để màn hình ở nhiệt độ phòng. Nhiệt độ lạnh hoặc nóng quá mức có thể gây ảnh hưởng xấu đến tinh thể lỏng của màn hình.
 - Không để màn hình bị rung lắc hoặc va đập mạnh. Ví dụ, không đặt màn hình bên trong cốp xe.
 - Rút phích cắm màn hình khi không sử dụng trong thời gian dài.
 - Để tránh bị điện giật, không cố tháo các nắp hoặc chạm vào bên trong màn hình.




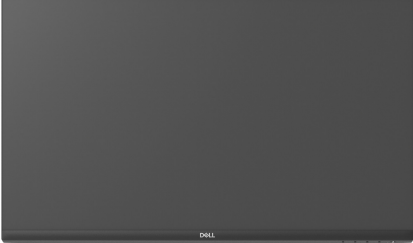
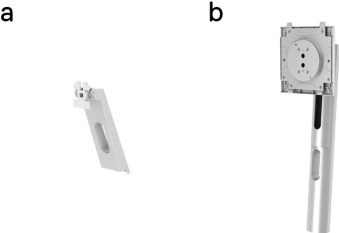
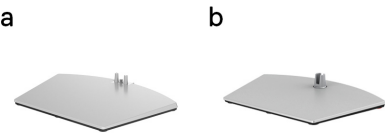
Thông tin về màn hình của bạn

Thành phần trong hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu trong bảng dưới đây. Nếu có thành phần nào bị thiếu, hãy liên hệ Dell. Để biết thêm thông tin, hãy xem [Liên hệ với Dell](#).

 **CHÚ Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng có thể không có ở một số nước.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn lắp chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

Hình ảnh thành phần	Mô tả thành phần
	Màn hình
	Bộ nâng chân đế: a. S2721Q b. S2721QS
	Bệ chân đế: a. S2721Q b. S2721QS




	<p>Nắp Vít VESA™ (chỉ S2721Q)</p>
	<p>Cáp nguồn (khác nhau tùy theo quốc gia)</p>
	<p>Cáp HDMI</p>
	<ul style="list-style-type: none"> • Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh • Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định




Tính năng sản phẩm

Màn hình **Dell S2721Q/S2721QS** có Bán Dẫn Màng Mỏng (TFT), ma trận chủ động, Màn Hình Hiển Thị Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Tính năng màn hình gồm có:

- Vùng nhìn được là 68,47 cm (27 in.) (đo chéo).
Độ phân giải 3840 x 2160 (16:9), có thể hỗ trợ toàn màn hình với độ phân giải thấp hơn.
- Hỗ trợ AMD FreeSync™, với độ làm mới cao 60 Hz và thời gian phản ứng nhanh 4 ms từ xám sang xám trong chế độ **Extreme (Cực nhanh)***.
- Gam màu 99% sRGB.
- Kết nối số với DisplayPort và HDMI.
- S2721Q: Khả năng nghiêng.
- S2721QS: Nghiêng, xoay, xoay quanh trục, và khả năng điều chỉnh độ cao.
- Loa kép tích hợp.
- Chân đế tháo rời và lỗ lắp 100 mm theo quy định của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) mang tới giải pháp lắp ráp linh hoạt.
- Khả năng cấm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Hỗ trợ chế độ chọn Ảnh theo Ảnh (PBP) và Ảnh trong Ảnh (PIP).

 **CHÚ Ý: Khi PIP/PBP được kích hoạt, AMD FreeSync™ (trong phần mềm AMD Radeon™) bị tắt.**

- Khóa nguồn và khóa nút OSD.
- Khe khóa an toàn.
- ≤ 0,3 W trong Chế độ chờ.
- Tối ưu khả năng làm dịu mắt với màn hình không nhấp nháy.

 **CẢNH BÁO: Hiệu ứng lâu dài có thể có của tia sáng xanh từ màn hình có thể gây hại cho mắt, như làm mờ, mỏi mắt do kỹ thuật số và vân vân. Tính năng ComfortView được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình, để làm dịu mắt đến mức tối ưu.**

*Chế độ xám đến xám 4 ms có trong chế độ **Extreme (Cực nhanh)** để giảm mờ chuyển động nhìn được và tăng độ phản hồi hình ảnh. Tuy nhiên, điều này có thể gây một số dư ảnh nhẹ có thể quan sát được trong ảnh. Do việc thiết lập hệ thống và nhu cầu của người dùng là khác nhau, chúng tôi khuyến cáo người dùng trải nghiệm các chế độ khác nhau để tìm được thiết lập phù hợp.



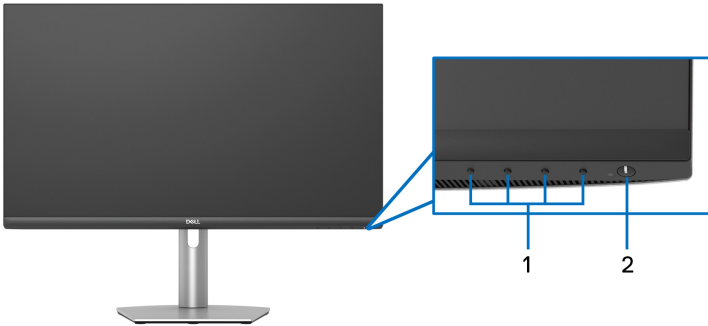
Nhận biết các bộ phận và điều khiển

Nhìn từ phía trước

S2721Q



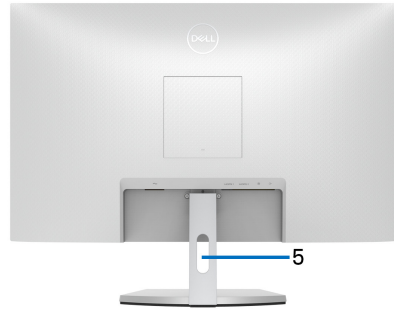
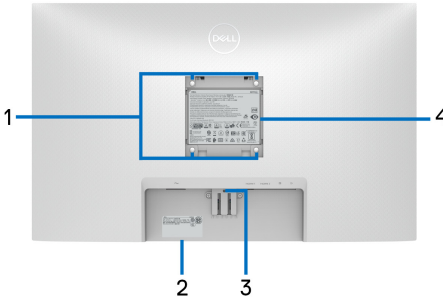
S2721QS



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Nút chức Năng	Để biết thêm thông tin, hãy xem Sử dụng màn hình .
2	Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo đèn LED)	Bật hoặc tắt màn hình.

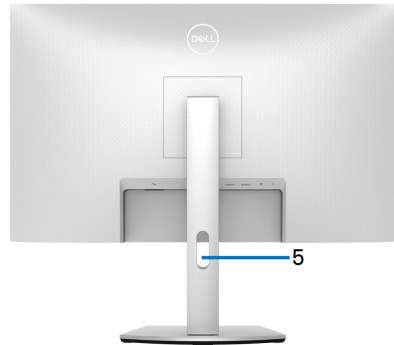
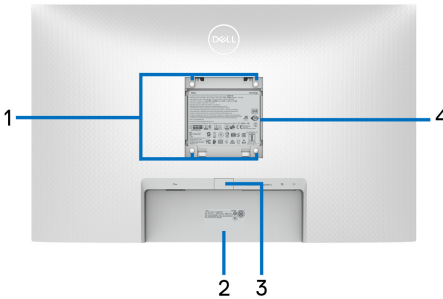


Nhìn từ sau
S2721Q



Nhìn từ sau có chân đế

S2721QS



Nhìn từ sau có chân đế

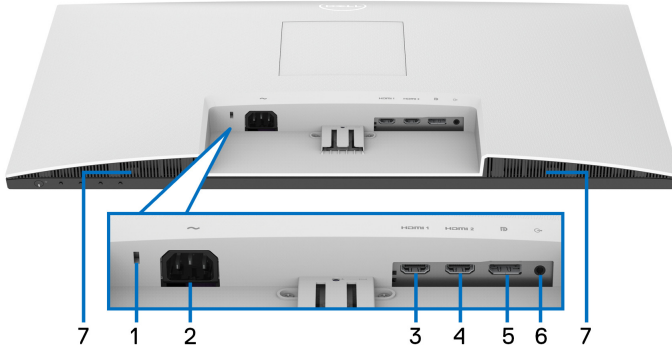
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Lỗ lắp VESA (100 mm x 100 mm - nắp VESA lắp phía sau)	Màn hình treo tường sử dụng bộ treo tường tương thích VESA (100 mm x 100 mm).



2	Mã vạch, số sê-ri và nhãn Thẻ dịch vụ	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ dịch vụ là mã định danh chữ và số duy nhất cho phép các kỹ thuật viên dịch vụ của Dell xác định các thành phần phần cứng trong màn hình của bạn và truy cập thông tin bảo hành.
3	Nút nhả chân đế	Nhả chân đế khỏi màn hình.
4	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn theo quy định.
5	Khe quản lý cáp	Sử dụng để quản lý dây cáp bằng cách luồn chúng vào qua các khe.

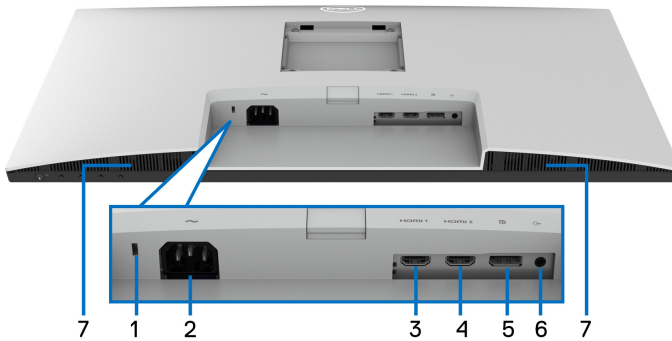


Nhìn từ dưới
S2721Q



Nhìn từ dưới không có chân đế

S2721QS



Nhìn từ dưới không có chân đế

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Khe khóa an toàn	Giữ an toàn màn hình với khóa an toàn (không có kèm khóa an toàn).
2	Đầu nối nguồn	Kết nối cáp nguồn (đi kèm với màn hình của bạn).



3	Cổng HDMI (HDMI 1)	Kết nối máy tính với cáp HDMI (đi kèm với màn hình).
4	Cổng HDMI (HDMI 2)	Kết nối máy tính với cáp HDMI (đi kèm với màn hình).
5	DisplayPort	Kết nối máy tính với cáp DisplayPort.
6	Cổng dây ra	Kết nối với loa. CHÚ Ý: Cổng này không hỗ trợ tai nghe.
7	Loa	Cung cấp đầu ra âm thanh số.



Thông số màn hình

Kiểu	S2721Q	S2721QS
Kiểu màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD	
Công nghệ màn hình	IPS	
Tỷ lệ khung hình	16:9	
Hình ảnh xem được		
Chéo	684,7 mm (27 in.)	
Chiều rộng (vùng hoạt động)	596,7 mm (23,49 in.)	
Chiều cao (vùng hoạt động)	335,7 mm (13,21 in.)	
Tổng khu vực	200301,8 mm ² (310,47 in. ²)	
Khoảng cách điểm ảnh	0,1554 x 0,1554 mm	
Điểm ảnh mỗi inch (PPI)	163	
Góc nhìn		
Dọc	178° (thông thường)	
Ngang	178° (thông thường)	
Công suất chiếu sáng	350 cd/m ² (thông thường)	
Tỷ lệ tương phản	1300 đến 1 (thông thường)	
Lớp phủ bản mặt	Xử lý chống chói của bộ phận cực trước (Haze 25%, 3H)	
Đèn nền	Hệ thống đèn mép LED trắng	



Thời gian phản hồi	<p>Xám đến xám 8 ms trong Chế độ Normal (Bình thường)</p> <p>Xám đến xám 5 ms trong Chế độ Fast (Nhanh)</p> <p>Xám đến xám 4 ms trong Chế độ Extreme (Cực nhanh)*</p> <p>*Chế độ xám đến xám 4 ms có trong chế độ Extreme (Cực nhanh) để giảm mờ chuyển động nhìn được và tăng độ phản hồi hình ảnh. Tuy nhiên, điều này có thể gây tình trạng dư ảnh nhẹ có thể quan sát được trong ảnh. Do việc thiết lập hệ thống và nhu cầu của người dùng là khác nhau, chúng tôi khuyến cáo người dùng trải nghiệm các chế độ khác nhau để tìm được thiết lập phù hợp.</p>	
Độ sâu màu	1,07 tỷ màu	
Gam màu	sRGB 99% (thông thường)	
Kết nối	<ul style="list-style-type: none"> • 1 x DisplayPort phiên bản 1.2 • 2 x Cổng HDMI phiên bản 2.0 • 1 x Cổng ra dây âm thanh 	
Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động)		
Đầu	7,4 mm	
Trái/Phải	7,4 mm/7,4 mm	
Dưới	21,6 mm	
Khả năng điều chỉnh		
Nghiêng	-5° đến 21°	-5° đến 21°
Khớp xoay	Không áp dụng	-30° đến 30°
Trục	Không áp dụng	-90° đến 90°
Chân chỉnh chiều cao	Không áp dụng	110 mm
Loa tích hợp	Đầu ra âm thanh 2 x 3 W	
Tương Thích Dell Display Manager	Dễ Dàng Sắp Xếp và các tính năng chính khác	
An ninh	Khe khóa bảo mật (khóa cáp bán riêng)	



Thông số độ phân giải

Kiểu	S2721Q/S2721QS
Phạm vi quét ngang	130 kHz đến 137 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	40 Hz đến 60 Hz (tự động)
Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa	3840 x 2160 Ở 60 Hz

Chế độ video được hỗ trợ

Kiểu	S2721Q/S2721QS
Khả năng hiển thị video (HDMI & DisplayPort)	480p, 480i, 576p, 576i, 720p, 1080i, 1080p, QHD, UHD

Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị HDMI


Chế độ hiển thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 640 x 480	31,50	60,00	25,20	-/-
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 800 x 600	37,90	60,30	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,90	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,40	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,00	75,00	78,80	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,00	75,00	135,00	+/+
VESA, 1600 x 900	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,00	60,00	162,00	+/-
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+



2048 x 1280	78,90	59,90	174,30	+/+
2560 x 1440	88,79	59,95	241,50	+/-
3840 x 2160	135	60	594	+/-

Chế độ hiển thị DP

Chế độ hiển thị	Tần Số Quét Ngang (kHz)	Tần Số Quét Dọc (Hz)	Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/ Dọc)
720 x 400	31,47	70,08	28,32	-/+
VESA, 640 x 480	31,50	60,00	25,20	-/-
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 800 x 600	37,90	60,30	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,90	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,40	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,00	75,00	78,80	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,00	75,00	135,00	+/+
VESA, 1600 x 900	60,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,00	60,00	162,00	+/-
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
2048 x 1280	78,90	59,90	174,30	+/+
2560 x 1440	88,79	59,95	241,50	+/-
3840 x 2160	133,313	60	533,25	+/-

 **CHÚ Ý:** Màn hình này hỗ trợ AMD FreeSync™.



Thông số điện

Kiểu	S2721Q/S2721QS
Tín hiệu vào video	HDMI 2.0/DisplayPort 1.2, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 Ω trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai
Điện áp AC/tần số/dòng điện vào	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 1,5 A (thông thường)
Điện khởi động	<ul style="list-style-type: none">• 120 V: 30 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)• 240 V: 60 A (Tối đa) ở 0°C (khởi động nguội)
Tiêu thụ điện năng	<ul style="list-style-type: none">• 0,2 W (Chế độ tắt)¹• 0,2 W (Chế độ chờ)¹• 28,8 W (Chế độ bật)¹• 52 W (Tối đa)²• 21,88 W (Pon)³• 68,48 kWh (TEC)³

¹ Như được định nghĩa ở EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

² Cài đặt độ sáng và độ tương phản tối đa.

³ Pon: Tiêu thụ điện của chế độ Bật như quy định trong phiên bản Energy Star 8.0.

TEC: Tổng tiêu thụ điện bằng kWh như quy định trong phiên bản Energy Star 8.0.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và thể hiện hiệu suất trong phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể thể hiện khác, tùy thuộc vào phần mềm, linh kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đặt hàng và không có nghĩa vụ phải cập nhật thông tin như vậy.

Theo đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về dung sai điện hoặc những quyết định khác. Không có bảo đảm công khai hay ngụ ý về tính chính xác hay đầy đủ.



CHÚ Ý: Màn hình này được chứng nhận ENERGY STAR. Sản phẩm này đủ tiêu chuẩn ENERGY STAR trong cài đặt mặc định của nhà máy và có thể khôi phục bằng chức năng "Factory Reset" (Khôi Phục Cài Đặt Gốc) trong menu OSD. Việc thay đổi cài đặt mặc định của nhà máy hoặc bật các tính năng khác có thể làm tăng tiêu thụ điện vượt quá giới hạn chỉ định về ENERGY STAR.



Đặc điểm vật lý

Kiểu	S2721Q	S2721QS
Kiểu cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none">Kỹ thuật số: HDMI, 19 chânKỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân (không gồm cáp)	
CHÚ Ý: Màn hình Dell được thiết kế để hoạt động tối ưu với cáp video được vận chuyển cùng với màn hình. Vì Dell không có quyền kiểm soát các nhà cung cấp cáp khác nhau trên thị trường, loại vật liệu, đầu nối và quy trình được sử dụng để sản xuất các loại cáp này, Dell không kiểm tra hiệu suất video trên các cáp không được vận chuyển với màn hình Dell của bạn.		
Kích thước (có chân đế)		
Chiều cao	453,4 mm (17,85 in.)	<ul style="list-style-type: none">Mở rộng: 510,1 mm (20,08 in.)Thu gọn: 400,1 mm (15,75 in.)
Chiều rộng	611,6 mm (24,08 in.)	611,6 mm (24,08 in.)
Chiều sâu	186,8 mm (7,35 in.)	174,7 mm (6,88 in.)
Kích thước (không có chân đế)		
Chiều cao	364,6 mm (14,35 in.)	364,6 mm (14,35 in.)
Chiều rộng	611,6 mm (24,08 in.)	611,6 mm (24,08 in.)
Chiều sâu	55,4 mm (2,18 in.)	55,4 mm (2,18 in.)
Kích thước chân đế		
Chiều cao	176,0 mm (6,93 in.)	<ul style="list-style-type: none">Mở rộng: 403,1 mm (15,87 in.)Thu gọn: 364,8 mm (14,36 in.)
Chiều rộng	257,2 mm (10,13 in.)	257,0 mm (10,12 in.)
Chiều sâu	186,8 mm (7,35 in.)	174,7 mm (6,88 in.)
Trọng lượng		
Trọng lượng gồm bao bì	8,1 kg (17,86 lb)	9,2 kg (20,28 lb)
Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp	5,6 kg (12,35 lb)	6,4 kg (14,11 lb)



Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp)	4,7 kg (10,36 lb)	4,7 kg (10,36 lb)
Trọng lượng của bộ chân đế	0,7 kg (1,54 lb)	1,5 kg (3,31 lb)

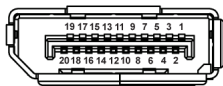
Đặc Tính Môi Trường

Kiểu	S2721Q/S2721QS	
Tiêu Chuẩn Tương Thích		
<ul style="list-style-type: none"> Màn hình có chứng nhận ENERGY STAR Tuân thủ RoHS Màn hình chứng nhận TCO Màn hình giảm thiểu BFR/PVC (trừ cáp bên ngoài) Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân 		
Nhiệt độ		
Bảng cảm	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)	
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F to 140°F) Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F to 140°F) 	
Độ ẩm		
Bảng cảm	10% đến 80% (không ngưng tụ)	
Không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ) Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ) 	
Cao độ		
Bảng cảm	5000 m (16404 ft) (tối đa)	
Không hoạt động	12192 m (40000 ft) (tối đa)	
Tản nhiệt		
<ul style="list-style-type: none"> 177,43 BTU/giờ (tối đa) 95,54 BTU/giờ (thông thường) 		



Chỉ định chân

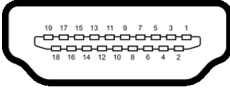
Đầu nối DisplayPort



Số chân	Mặt 20 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	ML3 (n)
2	GND
3	ML3 (p)
4	ML2 (n)
5	GND
6	ML2 (p)
7	ML1 (n)
8	GND
9	ML1 (p)
10	ML0 (n)
11	GND
12	ML0 (p)
13	GND
14	GND
15	AUX (p)
16	GND
17	AUX (n)
18	Phát Hiện Cắm Nóng
19	Re-PWR
20	+3,3 V DP_PWR



Đầu nối HDMI



Số chân	Mặt 19 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	LỚP CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC Nối đất
18	+5 V NGUỒN
19	PHÁT HIỆN CẢM NÓNG



Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem www.dell.com/pixelguidelines.

Công thái học

△ **THẬN TRỌNG:** Việc sử dụng bàn phím không đúng cách hoặc kéo dài có thể dẫn đến chấn thương.

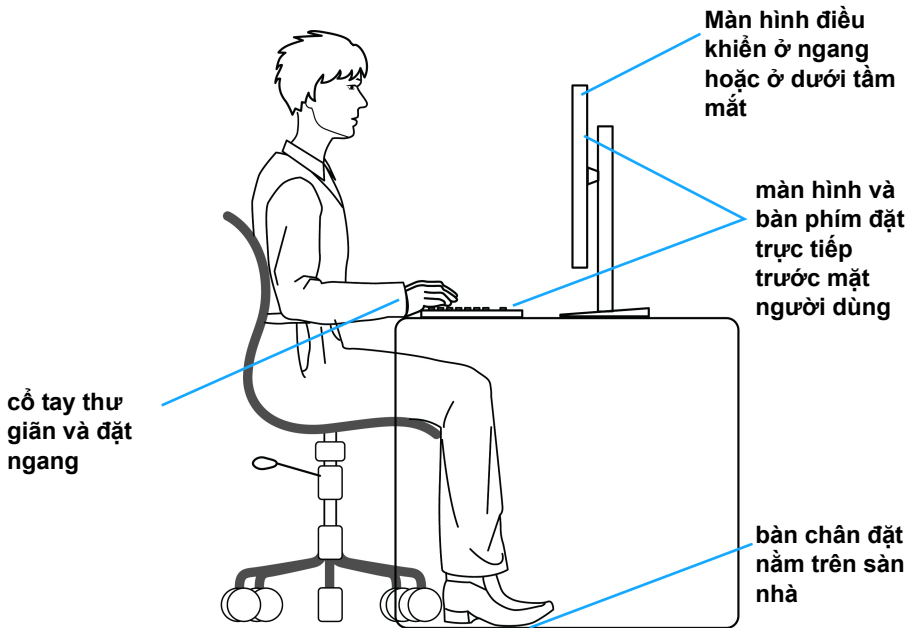
△ **THẬN TRỌNG:** Xem màn hình trong thời gian dài có thể dẫn đến mỏi mắt.

Để thoải mái và hiệu quả, hãy tuân thủ các nguyên tắc sau khi thiết lập và sử dụng máy trạm máy tính của bạn:

- Đặt máy tính của bạn sao cho màn hình và bàn phím ở ngay trước mặt khi bạn làm việc. Bạn có thể tìm mua các kệ đặc biệt trên thị trường để giúp đặt bàn phím ở vị trí phù hợp.
- Để giảm nguy cơ mỏi mắt và đau cổ/tay/lưng/vai từ việc sử dụng màn hình trong thời gian dài, bạn nên:
 1. Ngồi cách màn hình khoảng 20 đến 28 in. (50 - 70 cm).
 2. Nháy mắt thường xuyên để làm ẩm mắt hoặc làm ướt mắt bằng nước sau khi sử dụng màn hình lâu dài.
 3. Nghỉ giải lao thường xuyên và đều đặn 20 phút mỗi hai giờ.
 4. Không nhìn vào màn hình và nhìn vào một vật ở xa cách 20 feet trong ít nhất 20 giây ở các lần nghỉ.
 5. Thực hiện các động tác co duỗi để làm giảm căng thẳng ở cổ, tay, lưng, vai trong giờ giải lao.
- Đảm bảo để màn hình điều khiển ở ngang tầm mắt hoặc thấp hơn một chút khi ngồi trước màn hình.
- Điều chỉnh độ nghiêng của màn hình, độ tương phản và cài đặt độ sáng.
- Điều chỉnh ánh sáng xung quanh (như đèn trên cao, đèn bàn và rèm hoặc rèm trên cửa sổ gần đó) để giảm thiểu phản xạ và ánh sáng chói trên màn hình điều khiển.
- Sử dụng ghế có đỡ lưng hiệu quả.
- Để ngang cẳng tay, cổ tay ở vị trí vừa phải, thoải mái trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.



- Có không gian nghỉ tay trong khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Để cánh tay trên được thả lỏng tự nhiên ở cả hai bên.
- Đặt bàn chân phẳng trên sàn.
- Khi ngồi, hãy để trọng lượng của chân dồn lên chân chứ không phải ở phần trước của ghế. Điều chỉnh chiều cao ghế hoặc sử dụng chân ghế nếu cần để duy trì tư thế thích hợp.
- Thay đổi hoạt động trong công việc. Cố gắng sắp xếp công việc để không phải ngồi và làm việc trong thời gian dài. thỉnh thoảng đứng hoặc đứng dậy và đi lại xung quanh.
- Không để các vật cản, dây cáp hoặc dây điện ở dưới gầm bàn khiến bạn không thoải mái khi ngồi hoặc gây nguy cơ vấp phải.



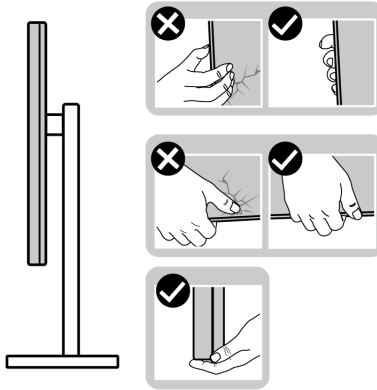
Xử lý và di chuyển màn hình của bạn

Để đảm bảo việc thao tác và sự an toàn khi nâng hoặc di chuyển màn hình, hãy làm theo các hướng dẫn được đề cập dưới đây:

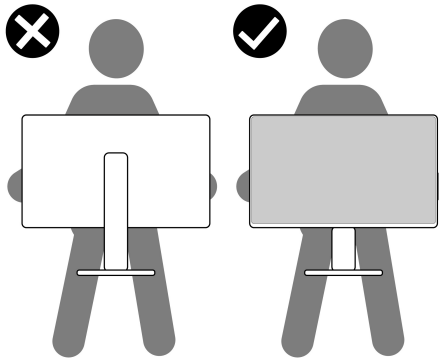
- Trước khi di chuyển hoặc nâng màn hình, hãy tắt màn hình và máy tính.
- Ngắt kết nối tất cả các dây cáp khỏi màn hình.
- Đặt màn hình vào hộp ban đầu với các vật liệu đóng gói ban đầu.



- Giữ chắc cạnh dưới và cạnh của màn hình mà không gây áp lực quá mức khi nâng hoặc di chuyển màn hình.

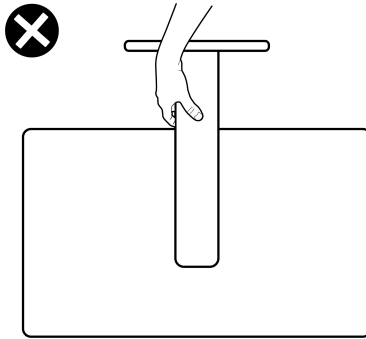


- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, đảm bảo màn hình quay mặt ra phía ngoài và không ấn vào khu vực hiển thị để tránh gây vết trầy xước hoặc hư hỏng.



- Khi vận chuyển màn hình, tránh gây sốc hoặc rung màn hình.
- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, không lật ngược màn hình trong khi cầm vào chân đế hoặc bộ nâng chân đế. Điều này có thể dẫn đến thiệt hại ngẫu nhiên cho màn hình hoặc gây thương tích cá nhân.





Hướng Dẫn Bảo Trì

Vệ Sinh Màn Hình

△ **THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo [Hướng dẫn về an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.



Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.
- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt màn hình khi không sử dụng.



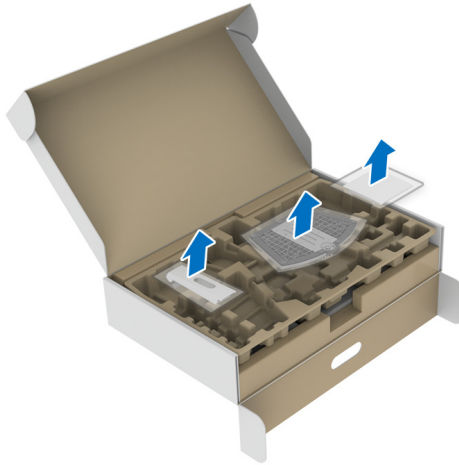
Lắp đặt màn hình

Lắp chân đế - S2721Q

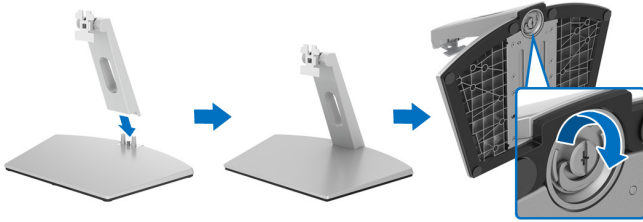
-  **CHÚ Ý:** Chân đế chưa được lắp sẵn tại nhà máy.
-  **CHÚ Ý:** Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để lắp chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn lắp chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

Để lắp chân đế màn hình:

1. Làm theo hướng dẫn trên nắp thùng carton để tháo chân đế khỏi đệm trên giữ nó.
2. Tháo nắp VESA, chân đế và bộ nâng chân đế khỏi lớp đệm hộp.



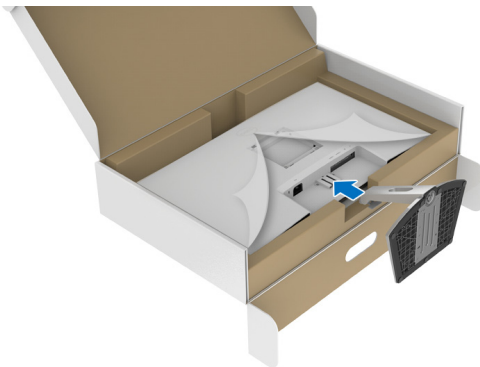
3. Căn chỉnh và đặt bộ nâng chân để lên bệ chân đế.
4. Mở tay cầm vít ở đáy chân đế và xoay theo chiều kim đồng hồ để lắp chặt cụm chân đế.
5. Đóng tay cầm vít.



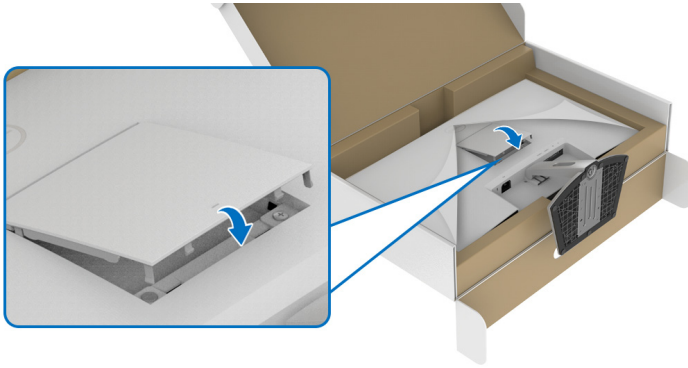
6. Mở nắp bảo vệ để tiếp cận khe VESA trên màn hình.



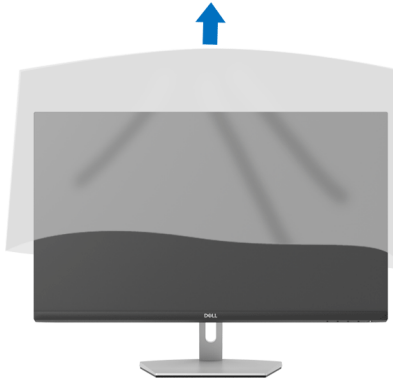
7. Căn chỉnh và chèn khung lắp chân đế vào rãnh ở mặt sau của màn hình cho đến khi khóa khớp vào vị trí.





8. Cài đặt nắp vít VESA.



9. Đặt màn hình ở vị trí thẳng đứng và nhấc nắp bảo vệ ra khỏi màn hình.

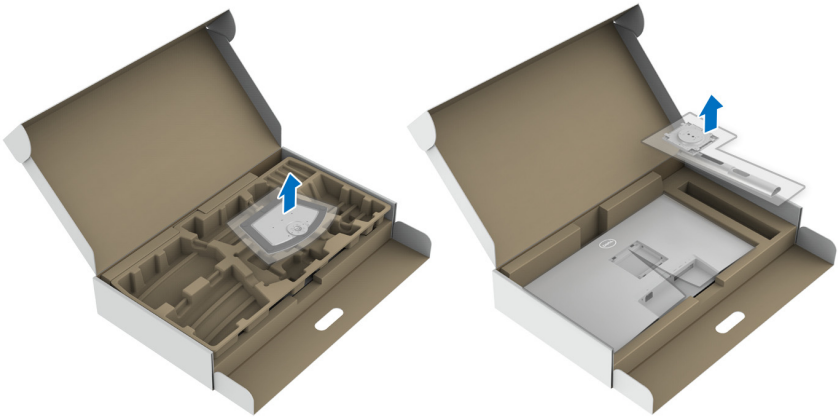


Lắp chân đế - S2721QS

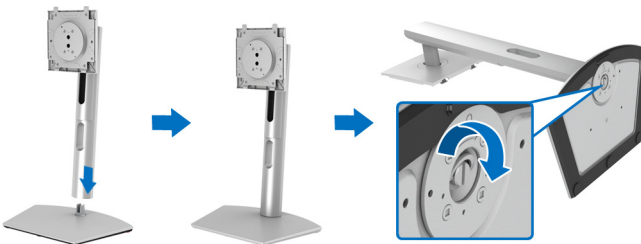
-  **CHÚ Ý:** Chân đế chưa được lắp sẵn tại nhà máy.
-  **CHÚ Ý:** Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để lắp chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn lắp chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

Để lắp chân đế màn hình:

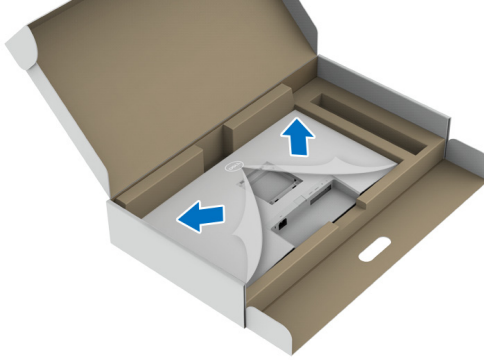
1. Làm theo hướng dẫn trên nắp thùng carton để tháo chân đế khỏi đệm trên giữ nó.
2. Tháo bộ nâng chân đế và bộ chân đế khỏi lớp đệm hộp.



3. Căn chỉnh và đặt bộ nâng chân đế lên bộ chân đế.
4. Mở tay cầm vít ở đáy chân đế và xoay theo chiều kim đồng hồ để lắp chặt cụm chân đế.
5. Đóng tay cầm vít.

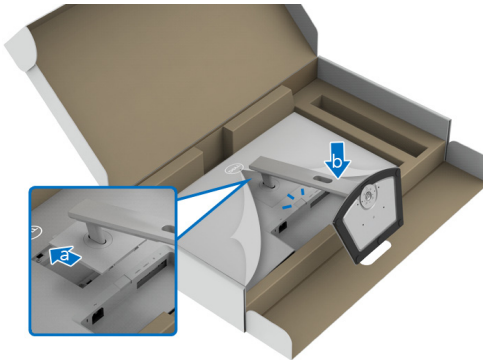


6. Mở nắp bảo vệ để tiếp cận khe VESA trên màn hình.




7. Gắn bộ chân đế vào màn hình.

- a. Căn chỉnh và trượt các tab trên bộ nâng chân đế vào khe VESA.
- b. Ấn chân đế xuống cho đến khi khớp vào vị trí.

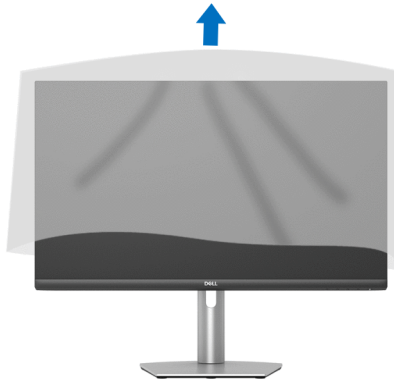


8. Giữ chặt bộ nâng chân đế bằng cả hai tay và nâng màn hình lên. Sau đó đặt màn hình ở vị trí thẳng đứng trên bề mặt phẳng.

 **CHÚ Ý:** Giữ chặt chân đế khi nâng màn hình để tránh hư hỏng do vô ý.



9. Nhấc nắp bảo vệ khỏi màn hình.



Kết nối màn hình của bạn

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn về an toàn](#).

✍ CHÚ Ý: Màn hình Dell được thiết kế để hoạt động tối ưu với cáp đi kèm của Dell. Dell không đảm bảo chất lượng và hiệu suất video khi sử dụng cáp không phải của Dell.

✍ CHÚ Ý: Luồn cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng.

✍ CHÚ Ý: Không kết nối tất cả các cáp vào máy tính cùng một lúc.

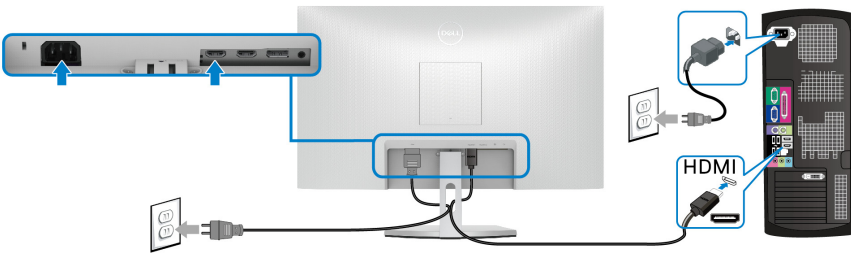
✍ CHÚ Ý: Hình ảnh được dựng chỉ cho mục đích minh họa. Giao diện của các máy tính có thể thay đổi.

Để kết nối với màn hình của bạn với máy tính:

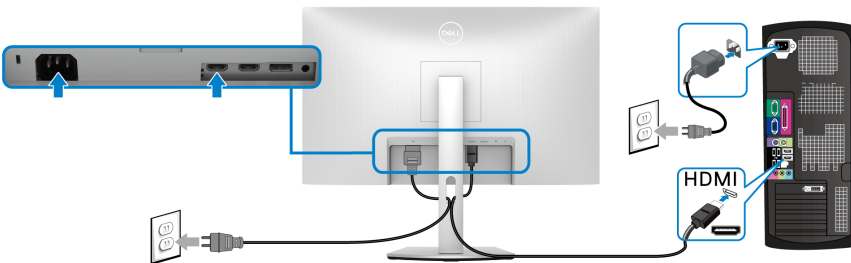
1. Tắt máy tính của bạn và ngắt kết nối cáp nguồn.
2. Kết nối cáp HDMI hoặc DisplayPort từ màn hình vào máy tính của bạn.

Kết nối cáp HDMI và cáp nguồn

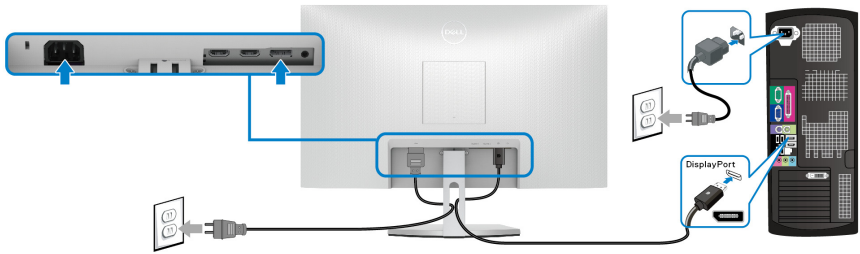
S2721Q



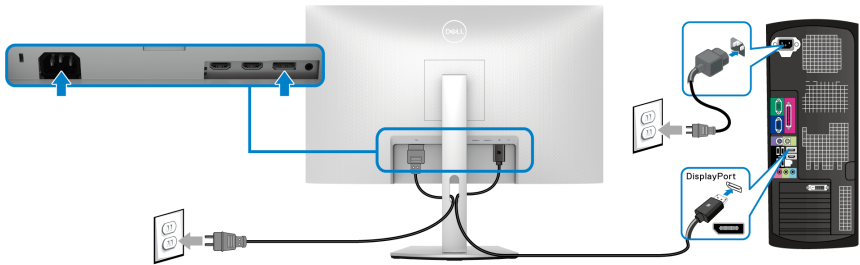
S2721QS



Kết nối cáp DisplayPort (DP sang DP) (không bắt buộc) và cáp nguồn S2721Q



S2721QS



Quản lý cáp của bạn

S2721Q



S2721QS



Sau khi lắp tất cả các cáp cần thiết vào màn hình và máy tính của bạn, (Xem [Kết nối màn hình của bạn](#) về lắp cáp,) sắp xếp tất cả các loại cáp như minh họa ở trên.

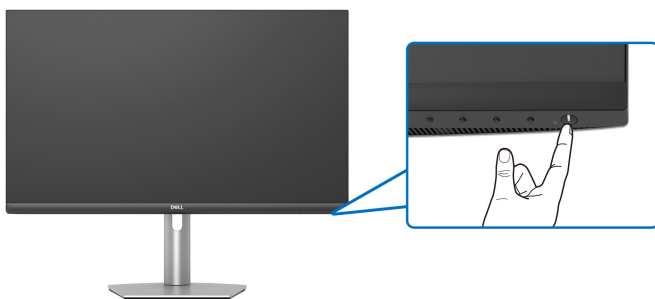


Bật màn hình

S2721Q



S2721QS



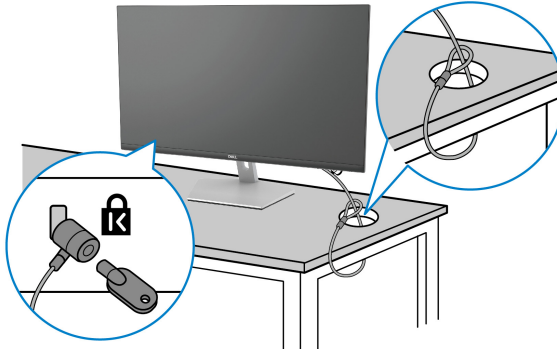
Bảo vệ màn hình bằng khóa Kensington (không bắt buộc)

Khe khóa an ninh được đặt ở dưới màn hình. (Xem [Khe khóa an toàn](#))

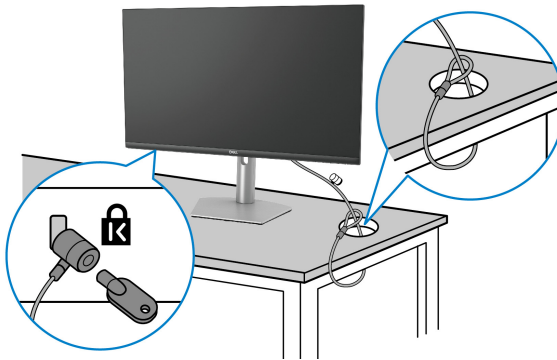
Để biết thêm thông tin về việc sử dụng khóa Kensington (được mua riêng), hãy xem tài liệu được gửi cùng với khóa.

Gắn màn hình của bạn vào bàn bằng khóa an ninh Kensington.

S2721Q



S2721QS



CHÚ Ý: Hình ảnh chỉ nhằm mục đích minh họa. Hình dạng của khóa có thể thay đổi.

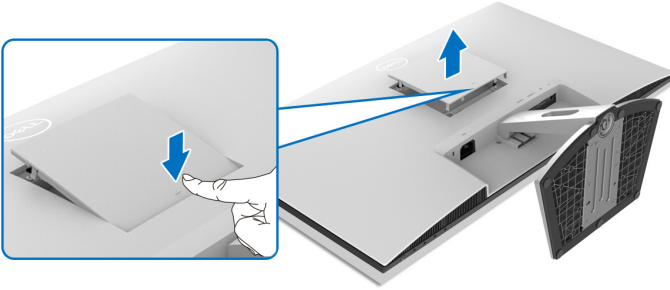


Tháo chân đế màn hình - S2721Q

- CHÚ Ý:** Để tránh làm xước màn LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên bề mặt sạch, mềm.
- CHÚ Ý:** Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để tháo chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn tháo chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

Để tháo chân đế:



- Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
- Nhấn nút trên nắp VESA để tháo khỏi mặt sau của màn hình.



- Sử dụng tuốc nơ vít dài, đẩy chốt nhả nằm trong khoảng trống ngay phía trên chân đế.
- Sau khi nhả chốt, hãy tháo bộ chân ra để khỏi màn hình.

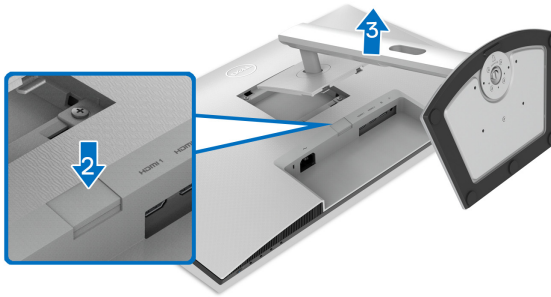


Tháo chân đế màn hình - S2721QS

-  **CHÚ Ý:** Để tránh làm xước màn LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên bề mặt sạch, mềm.
-  **CHÚ Ý:** Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để tháo chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn tháo chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

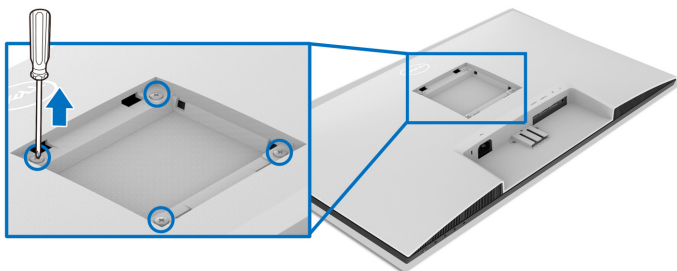
Để tháo chân đế:

1. Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
2. Nhấn và giữ nút nhả chân đế ở phía sau màn hình.
3. Nâng bộ nâng chân đế lên và lấy ra khỏi màn hình.

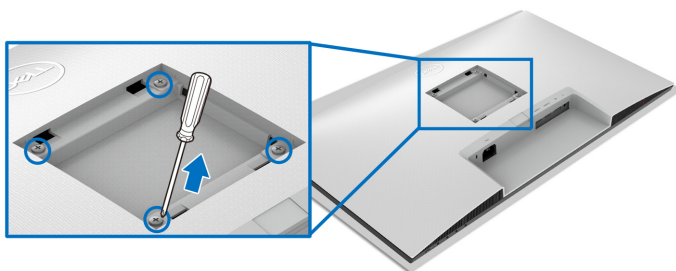


VESA treo tường (không bắt buộc)

S2721Q



S2721QS



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA.

1. Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
2. Tháo chân đế màn hình. (Xem [Tháo chân đế màn hình - S2721Q](#) và [Tháo chân đế màn hình - S2721QS.](#))
3. Sử dụng tuốc nơ vít Phillips, tháo bốn vít giữ nắp lưng màn hình.
4. Lắp giá treo tường của bộ giá đỡ treo tường vào màn hình.
5. Gắn màn hình lên tường. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp với bộ dụng cụ treo tường.

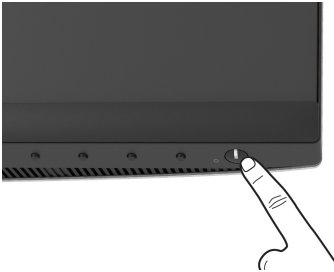
CHÚ Ý: Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL hoặc CSA hoặc GS, có khả năng chịu trọng lượng hoặc tải tối thiểu 18,8 kg (S2721Q/S2721QS).



Sử dụng màn hình

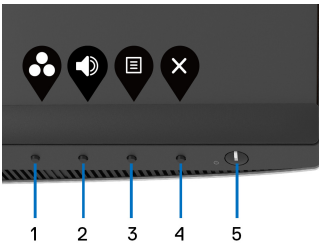
Bật nguồn màn hình

Nhấn nút Nguồn để bật màn hình.





Sử dụng điều khiển trên bảng điều khiển trước




Sử dụng nút điều khiển trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt.



Bảng dưới đây mô tả các nút ở bảng điều khiển trước:

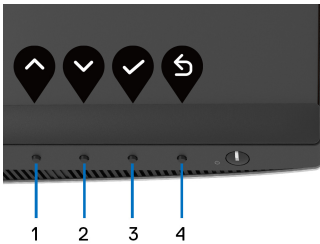
Nút bảng điều khiển phía trước	Mô tả
1  Phím tắt/ Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)	Sử dụng nút này để lựa chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.
2  Phím tắt/ Volume (Âm lượng)	Để truy cập trực tiếp vào thanh trượt điều chỉnh Volume (Âm lượng) .







3	 Menu	Sử dụng nút MENU để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD). Xem Truy cập hệ thống menu .
4	 Thoát	Sử dụng nút này để thoát menu chính OSD.
5	 Nguồn (có đèn báo nguồn)	Bật hoặc tắt màn hình. Đèn trắng liên tục cho biết màn hình đã được bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình ở Chế độ chờ.

Nút bảng điều khiển phía trước

Sử dụng các nút trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt hình ảnh.




Nút bảng điều khiển phía trước	Mô tả
1  Lên	Sử dụng nút Lên để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2  Xuống	Sử dụng nút Xuống để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3  OK	Nhấp vào nút OK để xác nhận lựa chọn.
4  Quay lại	Sử dụng nút Quay lại để trở lại menu trước.








Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

Truy cập hệ thống menu





CHÚ Ý: Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiến tới menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu những thay đổi đó. Những thay đổi cũng được lưu nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

1. Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.










2. Nhấn nút  và  để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được đánh dấu nổi bật. Xem bảng dưới đây về danh sách đầy đủ của tất cả các tùy chọn có sẵn cho màn hình.
3. Nhấn nút  hoặc  hoặc  một lần để kích hoạt tùy chọn được đánh dấu nổi bật.

CHÚ Ý: Các nút định hướng (và nút OK) được hiển thị có thể khác tùy theo menu đã chọn. Sử dụng các nút có sẵn để thực hiện lựa chọn.

4. Sử dụng nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  để vào menu phụ và sau đó sử dụng các nút định hướng, theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
6. Chọn nút  để quay trở lại menu chính.



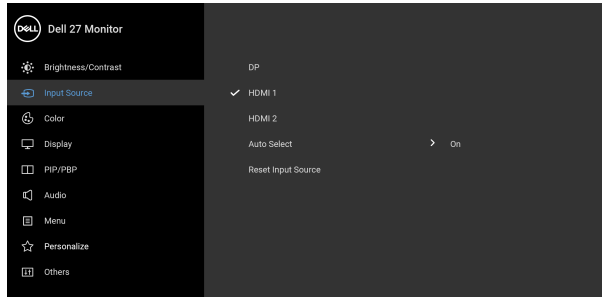
Biểu tượng	Menu và Menu phụ	Mô tả
	Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	Sử dụng menu này để kích hoạt điều chỉnh Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) .
		
		
Brightness (Độ sáng)	Brightness (Độ sáng) điều chỉnh độ sáng của đèn nền.	
Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).		
CHÚ Ý: Điều chỉnh bằng tay Brightness (Độ sáng) bị tắt khi Smart HDR (HDR thông minh) được kích hoạt và nội dung HDR được hiển thị.		
Contrast (Độ tương phản)	Trước tiên, điều chỉnh Brightness (Độ sáng) , điều chỉnh Contrast (Độ tương phản) chỉ khi cần điều chỉnh thêm.	
Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100).		
Chức năng Contrast (Độ tương phản) điều chỉnh mức độ khác nhau giữa độ tối và độ sáng trên màn hình.		






Input Source (Nguồn Đầu Vào)


Sử dụng menu **Input Source (Nguồn Đầu Vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.




DP

Chọn đầu vào **DP** khi bạn sử dụng đầu nối DisplayPort (DP). Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

HDMI 1

Chọn đầu vào **HDMI 1** khi bạn sử dụng đầu nối HDMI. Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

HDMI 2

Chọn đầu vào **HDMI 2** khi bạn sử dụng đầu nối HDMI. Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

Auto Select (Tự Động Chọn)

Bật chức năng này sẽ cho phép bạn quét tìm các nguồn đầu vào có sẵn.

Reset Input Source (Đặt Lại Nguồn Đầu Vào)

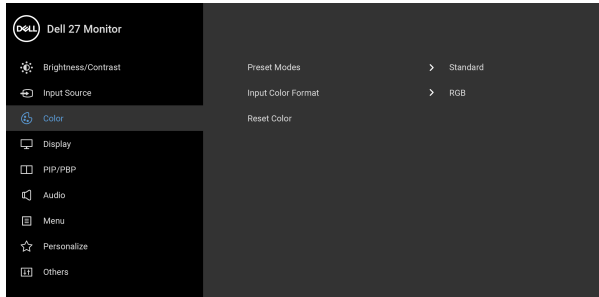
Đặt lại cài đặt đầu vào của màn hình của bạn về cài đặt gốc.





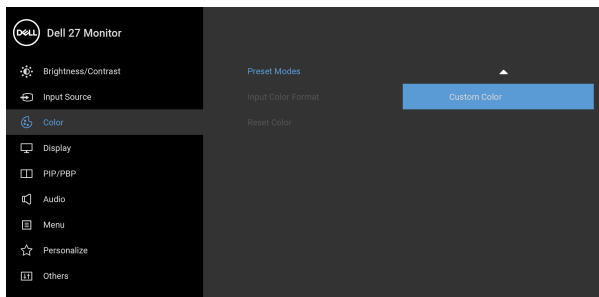
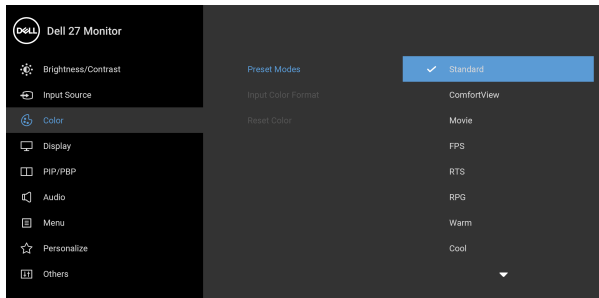
Color (Màu)

Sử dụng **Color (Màu)** để điều chỉnh chế độ cài đặt màu.



Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)

Cho phép bạn chọn chế độ đặt trước từ danh sách.



**Preset Modes
(Chế Độ Cài Đặt
Trước)**

- **Standard (Tiêu chuẩn):** Tải cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài đặt trước mặc định.

- **ComfortView:** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để xem thoải mái hơn cho đôi mắt của bạn.

CẢNH BÁO: Các ảnh hưởng lâu dài có thể xảy ra đối với phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây thương tích cá nhân như làm căng mắt kỹ thuật số, mỏi mắt và tổn thương mắt. Sử dụng màn hình trong thời gian dài cũng có thể gây đau ở các bộ phận của cơ thể như cổ, cánh tay, lưng và vai. Để biết thêm thông tin, hãy xem [Công thái học](#).

- **Movie (Phim):** Tải cài đặt màu lý tưởng cho phim.

- **FPS:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game Bắn súng góc nhìn thứ nhất (FPS).

- **RTS:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các (RTS) chiến lược thời gian thực.

- **RPG:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các Trò chơi nhập vai (RPG).

- **Warm (Ấm):** Hiển thị màu ở nhiệt độ màu thấp hơn. Màn hình có vẻ ấm hơn với sắc màu đỏ/vàng.

- **Cool (Mát):** Hiển thị màu sắc ở nhiệt độ màu cao hơn. Màn hình có vẻ mát hơn với sắc màu xanh.

- **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh):** Cho phép bạn tự điều chỉnh các cài đặt màu.

Sử dụng nút mũi tên để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo ra tùy chỉnh màu cài đặt trước của riêng bạn.

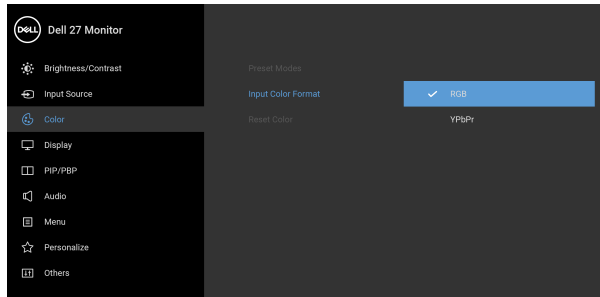


Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào)



Cho phép bạn thiết lập chế độ đầu vào video sang:

- **RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu phát) bằng cáp DisplayPort hoặc HDMI.
- **YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu đầu phát của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.

Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.





Hue (Màu sắc)

Tính năng này có thể thay đổi màu của hình ảnh video sang màu xanh lá cây hoặc màu tím. Được sử dụng để điều chỉnh tông màu nhẹ nhàng theo mong muốn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh màu từ '0' đến '100'.

CHÚ Ý: Hue (Màu sắc) chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước cho **Movie (Phim)**, **FPS**, **RTS**, hoặc **RPG**.

Saturation (Độ bão hòa)

Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hòa màu của hình ảnh video. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hòa từ '0' đến '100'.

CHÚ Ý: Saturation (Độ bão hòa) chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước cho **Movie (Phim)**, **FPS**, **RTS**, hoặc **RPG**.

Reset Color (Đặt Lại Màu)

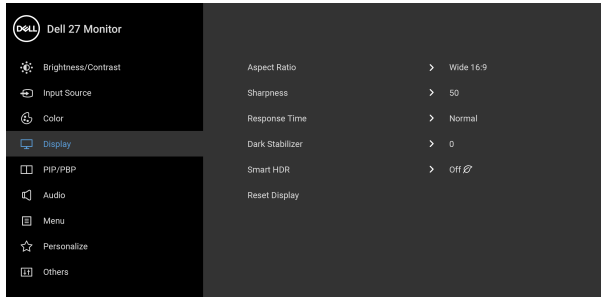
Đặt lại cài đặt màu của màn hình của bạn về cài đặt gốc.





Display (Hiện Thị)

Sử dụng menu **Display (Hiện Thị)** để điều chỉnh ảnh.



Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)

Điều chỉnh tỷ lệ hình ảnh sang **Wide 16:9 (Rộng 16:9)**, **4:3**, hoặc **5:4**.
CHÚ Ý: Tính năng này bị tắt khi **PIP/PBP** được kích hoạt.

Sharpness (Độ Nét)

Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm hơn.
Sử dụng hoặc để điều chỉnh độ nét từ '0' đến '100'.

Response Time (Thời Gian Phản Hồi)

Cho phép bạn đặt **Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** sang **Normal (Bình thường)**, **Fast (Nhanh)** hoặc **Extreme (Cực nhanh)**.

Dark Stabilizer (Bộ Ổn định cảnh tối)

Tính năng này nâng cao khả năng hiển thị trong các cảnh chơi game tối. Giá trị càng cao (từ 0 đến 3), thì khả năng hiển thị càng tốt hơn ở vùng tối của hình ảnh hiển thị.
CHÚ Ý: Tính năng này bị tắt khi **Smart HDR (HDR thông minh)** or **PIP/PBP** được kích hoạt.



**Smart HDR
(HDR thông
minh)**

Tính năng Smart HDR (HDR thông minh) (High Dynamic Range) tăng cường công suất hiển thị bằng cách điều chỉnh độ tương phản tối ưu và phạm vi màu và độ sáng tương tự như hình ảnh thực. Cài đặt mặc định là **Off (Tắt)**. Bạn có thể đặt chế độ **Smart HDR (HDR thông minh)** sang:

- **Desktop (Máy tính bàn):** Thích hợp để sử dụng màn hình với máy tính bàn.
- **Movie HDR (HDR Phim):** Thích hợp cho việc phát lại nội dung video HDR.
- **Game HDR (HDR Game):** Thích hợp để chơi các trò chơi tương thích với HDR. Hiển thị cảnh thực tế hơn và làm cho trải nghiệm chơi game sống động và vui vẻ.

CHÚ Ý: Khi màn hình đang xử lý nội dung HDR, **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)** và **Brightness (Độ sáng)** sẽ bị vô hiệu.

CHÚ Ý: Tính năng này bị tắt khi **PIP/PBP** được kích hoạt.

**Reset Display
(Cài Đặt Lại
Hiển Thị)**

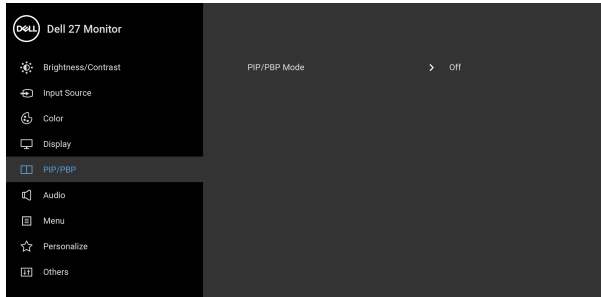
Đặt lại cả các cài đặt màn hiển thị về giá trị cài đặt trước của nhà máy.





PIP/PBP

Chức năng này sẽ trả về một cửa sổ hiển thị hình ảnh từ nguồn đầu vào khác.



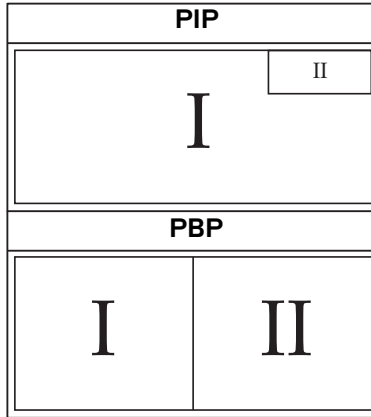
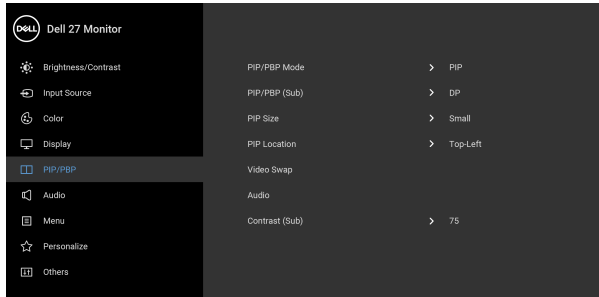
Cửa Sổ Chính	Cửa sổ phụ		
	DP	HDMI 1	HDMI 2
DP	—	✓	✓
HDMI 1	✓	—	X
HDMI 2	✓	X	—

CHÚ Ý: Những hình ảnh ở chế độ PBP sẽ được hiển thị ở trung tâm cửa sổ phân tách.




PIP/PBP Mode (Chế độ PIP/ PBP)

Điều chỉnh chế độ PIP/PBP (Ảnh trong Ảnh/Ảnh theo Ảnh) sang PIP hoặc PBP. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Off (Tắt)**.



PIP/PBP (Sub) (PIP/PBP (Phụ))

Lựa chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn cho cửa sổ phụ PIP/PBP. Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

PIP Size (Kích cỡ PIP)



Điều chỉnh kích thước cửa sổ phụ PIP.

CHÚ Ý: Tùy chọn này chỉ sử dụng được khi Chế độ PIP được bật.



PIP Location (Vị trí PIP)


Điều chỉnh vị trí của cửa sổ phụ PIP.

Sử dụng  hoặc  để duyệt và để chọn **Top-Right (Phía trên bên phải)**, **Top-Left (Phía trên bên trái)**, **Bottom-Right (Phía dưới bên phải)**, hoặc **Bottom-Left (Phía dưới bên trái)**.

Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

CHÚ Ý: Tùy chọn này chỉ sử dụng được khi Chế độ PIP được bật.

Video Swap (Chuyển đổi video)



Chọn để chuyển đổi video giữa cửa sổ chính và phụ trong chế độ PIP/PBP. Nhấp vào nút  để xác nhận chọn.

Audio (Âm thanh)

Cho phép bạn thiết lập nguồn âm thanh từ cửa sổ chính hoặc cửa sổ phụ.

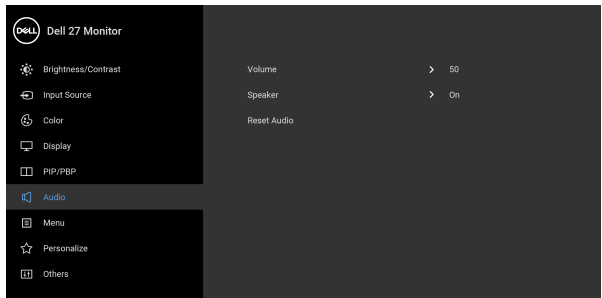
Contrast (Sub) (Tương phản (Phụ))

Điều chỉnh độ tương phản của hình ảnh ở chế độ PIP/PBP.

Sử dụng  để tăng độ tương phản và sử dụng  để giảm độ tương phản.





Audio (Âm thanh)



Volume (Âm lượng)

Cho phép bạn đặt mức âm lượng của loa.

Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh mức âm lượng từ '0' tới '100'.

Speaker (Loa)

Cho phép bạn bật hoặc tắt loa.



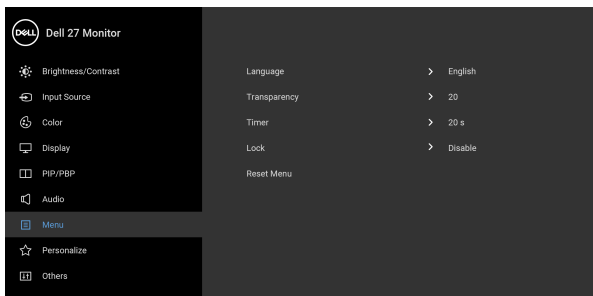
Reset Audio (Đặt lại âm thanh)

Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt âm thanh mặc định.



Menu

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.



Language (Ngôn ngữ)

Đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Nga, Tiếng Trung Quốc, hay Nhật Bản).

Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách sử dụng các nút và (tối thiểu 0 / tối đa 100).

Timer (Hẹn giờ)

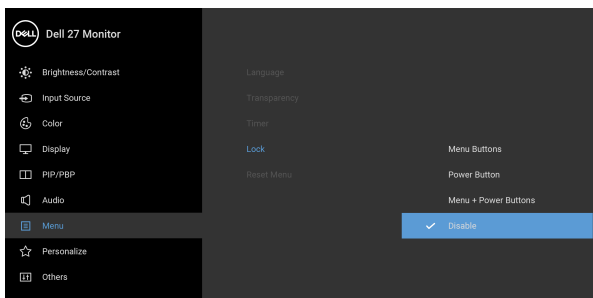
Đặt độ dài thời gian OSD sẽ vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối.

Sử dụng hoặc để điều chỉnh thanh trượt với mức tăng là 1 giây, từ 5 đến 60 giây.



Lock (Khóa)

Khi các nút điều khiển trên màn hình bị khóa, bạn có thể ngăn mọi người truy cập vào phần điều khiển. Nó cũng ngăn chặn việc ngẫu nhiên kích hoạt nhiều màn hình ở thiết lập cạnh nhau.



- **Menu Buttons (Nút Menu):** Tất cả các nút chức năng/Menu (ngoại trừ nút Nguồn) đều bị khóa và người dùng không thể truy cập.
- **Power Button (Nút Nguồn):** Chỉ nút Nguồn bị khóa và người dùng không thể truy cập.
- **Menu + Power Buttons (Nút Menu + Nguồn):** Cả nút chức năng/Menu và Nguồn đều bị khóa và người dùng không thể truy cập.

Cài đặt mặc định là **Disable (Tắt)**.

Cách khóa khác [với các nút chức năng/Menu]: Bạn cũng có thể nhấn và giữ nút chức năng/Menu bên cạnh nút Nguồn trong 4 giây để đặt các tùy chọn khóa.

CHÚ Ý: Để mở khóa (các) nút, nhấn và giữ nút chức năng/Menu bên cạnh nút Nguồn trong 4 giây.

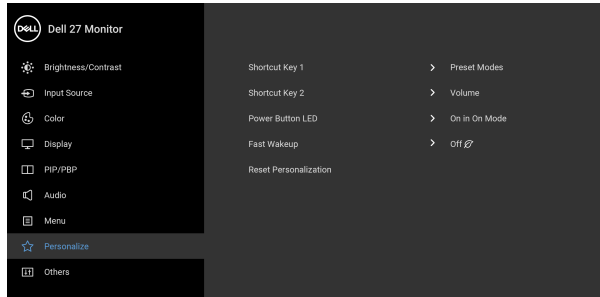
Reset Menu (Đặt Lại Menu)

Đặt lại cả các cài đặt OSD về giá trị cài đặt trước của nhà máy.





Personalize (Cá nhân hóa)



Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)

Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)


Cho phép bạn chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)**, **Smart HDR (HDR thông minh)**, **PIP/PBP mode (Chế độ PIP/PBP)**, hoặc **Volume (Âm lượng)** và đặt làm phím tắt.

Power Button LED (Đèn LED Nút Nguồn)

Cho phép bạn đặt **Bật** hoặc **Tắt** đèn LED nguồn để tiết kiệm năng lượng.

Fast Wakeup (Đánh thức nhanh)

Cài đặt mặc định là **Off (Tắt)**. Việc lựa chọn **On (Bật)** có thể khiến màn hình vào Chế độ chờ.

Nhấn nút bất kỳ (trừ nút ) trên bảng điều khiển phía trước của màn hình cũng có thể đánh thức màn hình sau khi nó vào Chế độ chờ.

Reset Personalization (Đặt lại Cá nhân hóa)

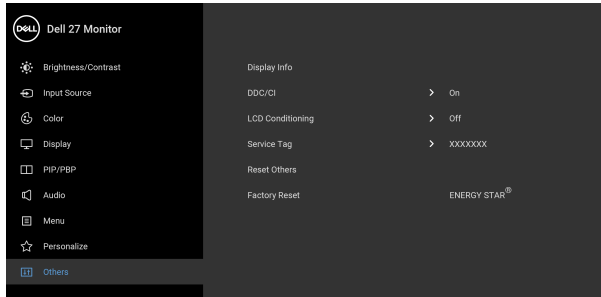
Đặt lại tất cả các cài đặt dưới menu **Personalize (Cá nhân hóa)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.





Others (Khác)

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh cài đặt OSD, như **DDC/CI**, **LCD Conditioning** (Điều Tiết LCD), và v.v.

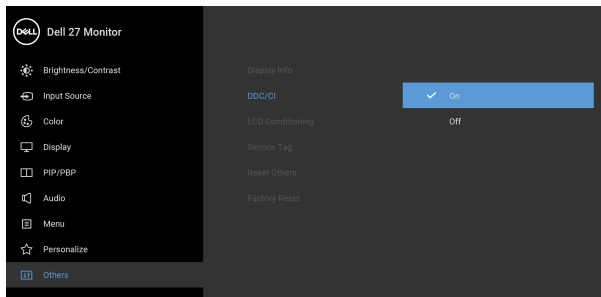


Display Info (Thông tin hiển thị)

Hiện thị phần cài đặt hiện tại của màn hình.

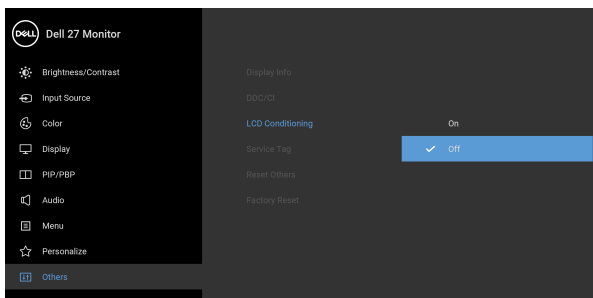
DDC/CI

DDC/CI (Display Data Channel/Command Interface - Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn giám sát các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, và vv) có thể được điều chỉnh qua phần mềm trên máy tính của bạn. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Off (Tắt)**. Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và có hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



LCD Conditioning (Điều Tiết LCD)

Giúp giảm bớt hiện tượng lưu ảnh. Tùy thuộc vào mức độ của hiện tượng lưu ảnh, chương trình có thể mất một lúc để chạy. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **On (Bật)**.



Service Tag (Thẻ dịch vụ)

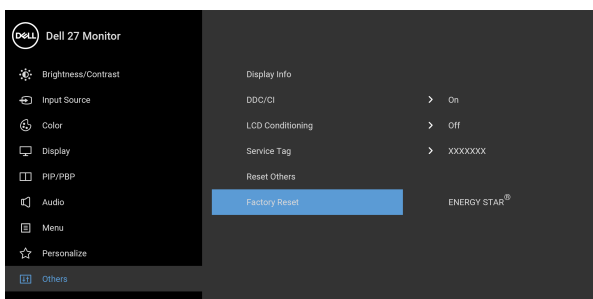
Hiển thị thẻ dịch vụ của màn hình. Chuỗi này được yêu cầu khi bạn cần hỗ trợ qua điện thoại, kiểm tra tình trạng bảo hành, cập nhật trình điều khiển trên trang web của Dell, v.v.

Reset Others (Đặt lại khác)

Đặt lại tất cả các cài đặt mục trong menu **Others (Khác)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

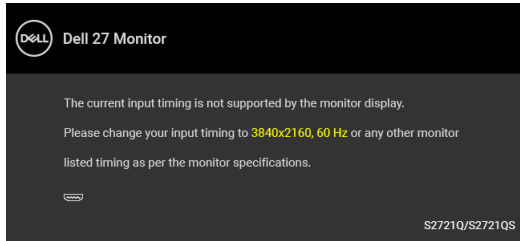
Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)

Khôi phục các giá trị đặt sẵn về cài đặt mặc định của nhà máy. Đây cũng là các cài đặt về kiểm tra ENERGY STAR®.



Thông báo cảnh báo OSD

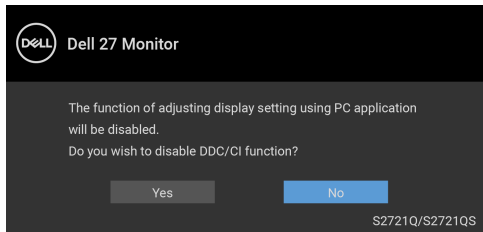
Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn sẽ thấy có thông báo sau:



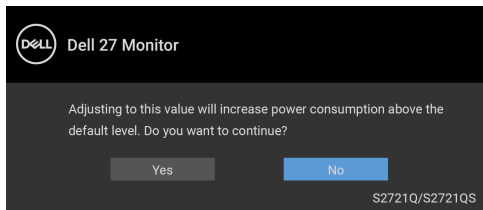
Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với các tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông số màn hình](#) để biết phạm vi tần số ngang và dọc mà màn hình này có thể xử lý được. Chế độ đề xuất là 3840 x 2160.

CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng **DDC/CI** bị tắt:



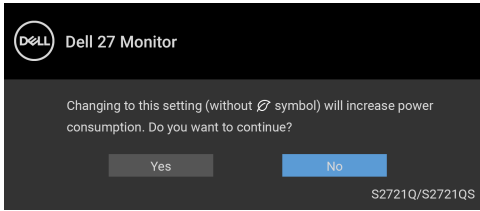
Khi bạn điều chỉnh mức **Brightness (Độ sáng)** lần đầu tiên, thông báo sau sẽ xuất hiện:



CHÚ Ý: Nếu bạn chọn **Yes (Có)**, thông báo sẽ không xuất hiện vào lần tới khi bạn có ý định thay đổi cài đặt **Brightness (Độ sáng)**.

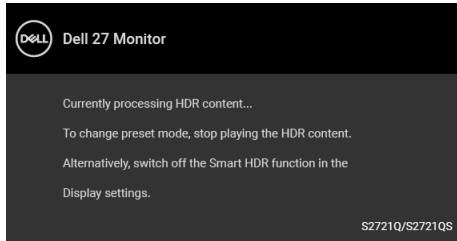


Khi bạn thay đổi tùy chọn cài đặt mặc định của các tính năng tiết kiệm pin lần đầu tiên, chẳng hạn như **Smart HDR (HDR thông minh)** hoặc **Fast Wakeup (Đánh thức nhanh)**, thông báo sau sẽ xuất hiện:

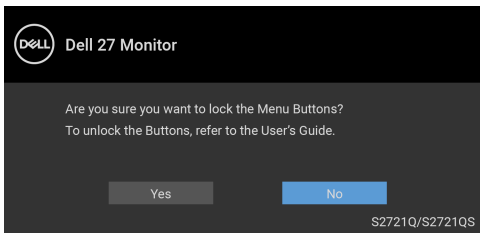


CHÚ Ý: Nếu bạn chọn **Yes (Có)** cho một trong các tính năng được đề cập ở trên, thông báo sẽ không xuất hiện vào lần tới khi bạn có ý định thay đổi cài đặt của các tính năng này. Khi bạn khôi phục cài đặt gốc, thông báo sẽ xuất hiện lại.

Khi **Smart HDR (HDR thông minh)** được kích hoạt và bạn muốn thay đổi chế độ cài đặt trước, thông báo sau xuất hiện:



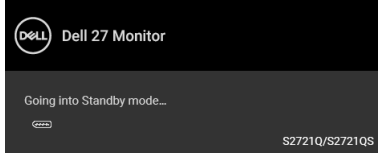
Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng **Lock (Khóa)** được kích hoạt:



CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo thiết lập được chọn.



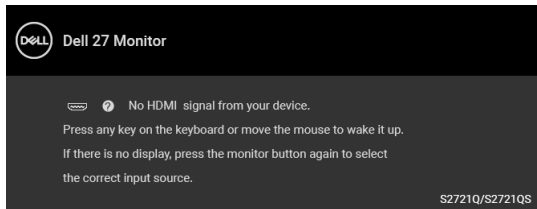
Khi màn hình vào Chế độ chờ, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Bật máy tính và đánh thức màn hình để truy cập lại vào [OSD](#).

CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

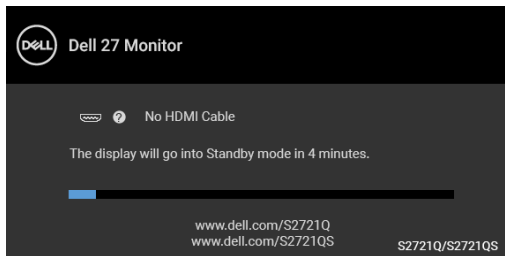
OSD chỉ hoạt động trong chế độ hoạt động bình thường. Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn trong Chế độ chờ, thông báo sau sẽ xuất hiện tùy thuộc vào đầu vào được chọn:



Bật máy tính và màn hình để truy cập lại vào [OSD](#).

CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

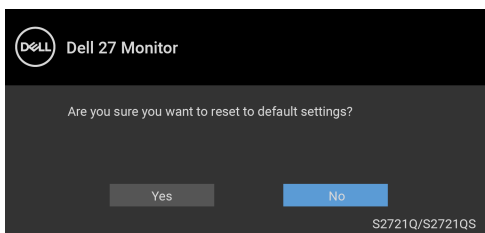
Nếu đầu vào HDMI hoặc DisplayPort được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây sẽ xuất hiện.



CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.



Khi **Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc)** được chọn, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Cài đặt độ phân giải tối đa

Để đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows[®] 7, Windows[®] 8, và Windows[®] 8.1:

1. Chỉ với Windows[®] 8 và Windows[®] 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ Phân Giải Màn Hình**.
3. Nhấp vào danh sách thả xuống của **Độ Phân Giải Màn Hình** và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp vào **OK**.

Trong Windows[®] 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Cài đặt màn hình**.
2. Nhấp vào **Thiết lập hiển thị nâng cao**.
3. Nhấp vào danh sách thả xuống của **Độ phân giải** và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp vào **Áp dụng**.

Nếu bạn không nhìn thấy 3840 x 2160 như tùy chọn, bạn có thể cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Tùy thuộc vào máy tính của bạn, hãy hoàn thành một trong các bước sau đây:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Đi đến <https://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Nếu máy tính của bạn không phải là máy Dell (di động hoặc để bàn):

- Đi đến trang web hỗ trợ cho máy tính của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Đi đến trang web các đồ họa của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.



Yêu cầu để xem hoặc phát lại nội dung HDR

(1) Qua Ultra BluRay DVD hoặc bảng điều khiển trò chơi

Đảm bảo đầu DVD và bảng điều khiển trò chơi có khả năng phát HDR, ví dụ như Panasonic DMP-UB900, Xbox One S và PS4 Pro.

(2) Thông qua PC

Đảm bảo card đồ họa được sử dụng có khả năng phát HDR, ví dụ có cổng tuân thủ HDMI2.0a (với tùy chọn HDR) và trình điều khiển đồ họa HDR được cài đặt. Phải sử dụng chương trình ứng dụng hỗ trợ HDR, ví dụ như ứng dụng CyberLink PowerDVD 17, Windows 10 Movies & TV.

 **CHÚ Ý: Để tải xuống và cài đặt trình điều khiển đồ họa mới nhất hỗ trợ phát lại nội dung HDR trên máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell, hãy xem <https://www.dell.com/support/drivers>.**

NVIDIA

Để biết đầy đủ các card đồ họa NVIDIA có khả năng HDR, hãy xem www.nvidia.com.

Đảm bảo tải xuống trình điều khiển hỗ trợ chế độ Phát Lại Toàn Màn Hình (ví dụ: trò chơi PC, trình phát UltraBluRay), HDR trên Hệ điều hành Win 10 Redstone 2: 381.65 hoặc các phiên bản cao hơn.

AMD

Để biết đầy đủ các card đồ họa AMD có khả năng HDR, hãy xem www.amd.com. Kiểm tra thông tin hỗ trợ trình điều khiển HDR và tải xuống trình điều khiển mới nhất.


Intel (Đồ họa tích hợp Integrated)

Bộ xử lý có hỗ trợ HDR: CannonLake hoặc mới hơn

Đầu phát HDR phù hợp: Ứng dụng Windows 10 Movies & TV

Hệ điều hành (OS) có hỗ trợ HDR: Windows 10 Redstone 3

Trình điều khiển hỗ trợ HDR: xem downloadcenter.intel.com để có trình điều khiển HDR mới nhất

 **CHÚ Ý: Phát lại HDR qua hệ điều hành (ví dụ: phát lại HDR trong cửa sổ trong máy tính để bàn) yêu cầu Windows 10 Redstone 2 trở lên với các chương trình ứng dụng thích hợp, ví dụ PowerDVD 17. Phát lại nội dung được bảo vệ sẽ yêu cầu phần mềm DRM và/hoặc phần cứng thích hợp, ví dụ như Microsoft Playready™. Để biết thông tin hỗ trợ, xem <https://www.support.microsoft.com>.**



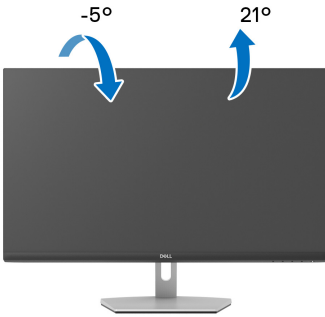
Sử dụng nghiêng, xoay và kéo thẳng

CHÚ Ý: Các hướng dẫn sau đây chỉ được dùng để lắp chân đế đi kèm với màn hình của bạn. Nếu bạn lắp chân đế mua từ nguồn khác, hãy làm theo các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với chân đế đó.

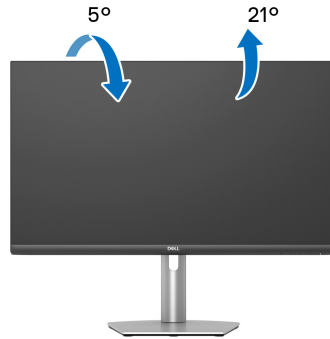
Với chân đế được lắp vào màn hình, bạn có thể chỉnh màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.

Nghiêng

S2721Q



S2721QS



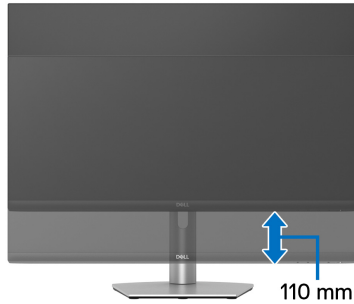
CHÚ Ý: Chân đế không được lắp đặt tại nhà máy khi được vận chuyển.

Xoay (chỉ với S2721QS)



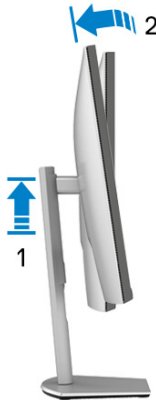
Kéo thẳng (chỉ với S2721QS)

CHÚ Ý: Chân đế kéo thẳng đến 110 mm. Hình dưới đây minh họa cách kéo thẳng chân đế.



Xoay màn hình (chỉ với S2721QS)

Trước khi xoay màn hình, phải kéo thẳng màn hình hoàn toàn và nghiêng lên hoàn toàn để tránh va vào cạnh dưới của màn hình.





Xoay theo chiều kim đồng hồ



Xoay ngược chiều kim đồng hồ




-  **CHÚ Ý:** Để sử dụng chức năng Xoay Hiển Thị (giao diện Phong cảnh ngược với Chân dung) với máy tính Dell, bạn cần có trình điều khiển đồ họa cập nhật không kèm theo màn hình này. Để tải về trình điều khiển đồ họa, đi đến www.dell.com/support và xem phần Tải xuống của Trình điều khiển Video để có các bản cập nhật trình điều khiển mới nhất.
-  **CHÚ Ý:** Trong chế độ Chân dung, bạn có thấy hiệu suất suy giảm khi sử dụng các ứng dụng chuyên sâu về đồ họa, chẳng hạn như chơi game 3D.



Điều chỉnh cài đặt hiển thị xoay cho hệ thống của bạn

Sau khi bạn đã xoay màn hình, cần phải hoàn thành các bước dưới đây để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay cho hệ thống của bạn.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn đang sử dụng màn hình với máy tính không phải là máy Dell, thì bạn cần phải đi đến trang web trình điều khiển đồ họa hoặc trang web của nhà sản xuất máy tính của bạn để biết thông tin về việc xoay 'nội dung' trên màn hình của bạn.

Để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thuộc tính**.
2. Chọn tab **Thiết đặt** và nhấp vào **Chuyên sâu**.
3. Nếu bạn có card đồ họa ATI, chọn tab **Xoay** và đặt kiểu xoay ưa thích.
4. Nếu bạn có card đồ họa NVIDIA, nhấp vào tab **NVIDIA**, ở cột tay trái, chọn **NVRotate**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.
5. Nếu bạn có card đồ họa Intel[®], chọn tab đồ họa **Intel**, nhấp vào **Thuộc Tính Đồ Họa**, chọn tab **Xoay**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn xoay hoặc nó không hoạt động tốt, đi đến www.dell.com/support và tải về trình điều khiển mới nhất cho card đồ họa của bạn.



Khắc phục sự cố

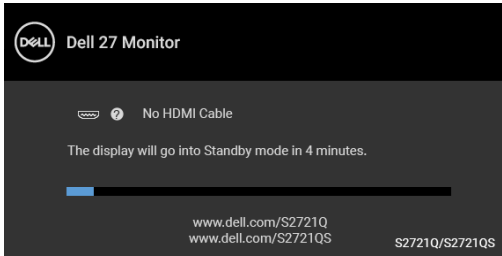
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn về an toàn](#).

Tự kiểm tra

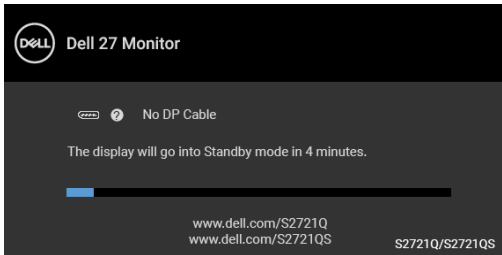
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Ngắt cáp video khỏi máy tính.
3. Bật màn hình.

Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy thuộc vào đầu vào được chọn, một trong các hộp thoại được hiển thị dưới đây sẽ tiếp tục cuộn qua màn hình.



hoặc



4. Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.

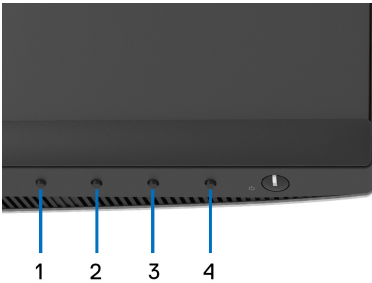


5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.


Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi đã sử dụng các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình bạn đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và cáp video.



Để chạy chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. nhấn và giữ **Nút 4** trong khoảng 4 giây cho đến khi một menu nổi lên.
3. Sử dụng **Nút 1** hoặc **Nút 2** để chọn công cụ chẩn đoán  và sử dụng **Nút 3** để xác nhận. Một mẫu kiểm tra màu xám xuất hiện ở đầu chương trình chẩn đoán.
4. Cẩn thận kiểm tra bất thường của màn hình.
5. nhấn **Nút 1** một lần nữa để thay đổi các mẫu kiểm tra.
6. Lặp lại bước 4 và 5 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu đỏ, màu xanh lá cây, xanh dương, đen, trắng, và màn hình văn bản.
7. nhấn **Nút 1** để kết thúc chương trình chẩn đoán.



Vấn đề thường gặp

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

Các triệu chứng thường gặp	Trải nghiệm của bạn	Giải pháp có thể thực hiện
Không có video / đèn LED nguồn tắt	Không có ảnh	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.• Đảm bảo ổ cắm điện hoạt động tốt bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).
Không có video / đèn LED nguồn bật	Không có ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none">• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.• Chạy chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).
Lấy Nét Kém	Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ	<ul style="list-style-type: none">• Bỏ các cáp video nối dài.• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.• Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình.
Video bị rung/động	Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ	<ul style="list-style-type: none">• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác.



Thiếu Điểm Ảnh	Màn hình LCD có các đốm	<ul style="list-style-type: none"> Tắt-bật lại nguồn. Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/pixelguidelines.
Điểm ảnh bị b ám	Màn hình LCD có các đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> Tắt-bật lại nguồn. Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/pixelguidelines.
Vấn Đề Về Độ Sáng	Ảnh mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Điều chỉnh điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.
Méo Hình	Màn hình không được cân giữa chính xác	<ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Điều chỉnh điều khiển ngang và dọc qua OSD. Khi sử dụng đầu vào HDMI/ DisplayPort, không sử dụng được điều chỉnh vị trí.
Đường Kẻ Ngang/Dọc	Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ	<ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường kẻ này có trong chế độ tự kiểm tra không. Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không. Chạy chẩn đoán tích hợp.



Vấn Đề Về Đồng Bộ	Màn hình bị xô lệch hoặc có vết như bị rách	<ul style="list-style-type: none"> • Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. • Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình xô lệch có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không. • Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không. • Khởi động lại máy tính trong chế độ an toàn.
Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn	Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào. • Liên hệ với Dell ngay.
Các Vấn Đề Chập Chờn	Chập chờn khi bật và tắt màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách. • Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. • Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem các vấn đề chập chờn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.
Thiếu Màu	Ảnh thị thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> • Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình. • Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách. • Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.
Sai Màu	Màu ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> • Thay đổi cài đặt của Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước) trong OSD menu Color (Màu) tùy thuộc vào ứng dụng. • Điều chỉnh giá trị R/G/B trong Custom Color (Màu Tùy Chỉnh) trong OSD menu Color (Màu). • Chạy chẩn đoán tích hợp.



Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài	Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Đặt màn hình sang tắt khi màn hình có thời gian không hoạt động sau vài phút. Có thể điều chỉnh trong phần Tùy chọn nguồn của máy Windows hoặc Tiết kiệm Năng lượng của máy Mac. • Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi.
---	--	--

Vấn đề cụ thể theo sản phẩm

Các triệu chứng thường gặp	Trải nghiệm của bạn	Giải pháp có thể thực hiện
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình) trong OSD menu Display (Hiển Thị). • Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển phía trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình. • Menu OSD có thể bị khóa. Nhấn và giữ nút chức năng/Menu cạnh nút Nguồn trong 4 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem Lock (Khóa)).
Không có Tín Hiệu Vào khi nhấn các điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. • Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần. • Khởi động lại máy tính hoặc đầu video.
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	Hình ảnh không lấp đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình. • Chạy chẩn đoán tích hợp.



Vấn Đề Cụ Thể Theo Loa Ngoài

Các triệu chứng thường gặp	Trải nghiệm của bạn	Giải pháp có thể thực hiện
Không có âm thanh phát ra từ loa	Không thể nghe được âm thanh nào	<ul style="list-style-type: none">Tắt màn hình, rút dây nguồn màn hình, cắm lại, rồi bật màn hình.Kiểm tra xem kết nối cáp âm thanh được kết nối vào cổng ra âm thanh của máy tính chính xác chưa.Rút cáp âm thanh khỏi cổng ra âm thanh.Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.



Phụ lục

CẢNH BÁO: Hướng dẫn về an toàn

⚠ CẢNH BÁO: Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về an toàn, Môi trường và Quy định (SERI).

Thông báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) và thông tin quy định khác

Đối với các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).

Cơ sở dữ liệu bảng thông tin sản phẩm và nhãn năng lượng của sản phẩm EU

S2721Q: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/344898>

S2721QS: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/346947>

📌 CHÚ Ý: Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — www.dell.com/support/monitors
- Liên hệ Dell — www.dell.com/contactdell

